

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HS-ST  
Ngày: 24-6-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Minh Sáu

Ông Nguyễn Đăng Bảy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Chang – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:** Ông Trương Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2020/HSST ngày 29 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST–HS ngày 11 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn V, sinh năm 1985 tại Thanh Hóa

Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: làm rẫy, thợ xây; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H (đã chết) và bà Lê Thị M, sinh năm 1960; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; có vợ là Phạm Thị L và 01 con sinh năm 2008; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 27/02/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:*

- Bà Đinh Thị A, sinh năm 1976 (Có mặt)

- Ông Lê Tấn H, sinh năm 1972 (Vắng mặt, đã ủy quyền cho bà A tham gia tố tụng)

Cùng địa chỉ: Thôn 01, xã D, huyện E, tỉnh Bình Phước.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Lâm Thị T, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn G, huyện H, tỉnh Đắk Nông.

- Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khối 8, thị trấn G, huyện H, tỉnh Đắk Nông.

- Bà Đàm Thị Th, sinh năm 1984 (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Phi Lô 1, xã I, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 20 phút ngày 24/02/2020, Lê Văn V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81B1- 067.58 đi từ tỉnh Lâm Đồng đến huyện E, tỉnh Bình Phước trên tuyến đường Quốc lộ 14. Khi đến khu vực xã D, do có uống rượu nên để tránh chốt kiểm tra V đi xe vào hướng thôn 1 thì thấy nhà của bà Đinh Thị A có 04 đến 05 bao màu đỏ đang để ở bên hông nhà nên V nảy sinh ý định lấy trộm. V điều khiển xe vào vườn cà phê cách nhà của bà A khoảng 50m để xe tại đây và đi bộ vào lấy trộm 03 bao hạt tiêu khô mang ra để lên xe và điều khiển xe về hướng tỉnh Đắk Nông. Khi tới địa bàn xã Thọ Sơn, huyện E, V bán 03 bao tiêu với trọng lượng 120kg cho bà Lâm Thị T và bà Nguyễn Thị Tr được 4.200.000 đồng.

Sau khi phát hiện tài sản bị mất, bà A đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an và cung cấp hình ảnh của V thông qua việc trích xuất camera của gia đình. Đến ngày 27/02/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng đã tiến hành bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Văn V về hành vi trộm cắp tài sản.

Tại bản định giá tài sản số 13/KL-ĐG ngày 03/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bù Đăng kết luận: 120kg hạt tiêu khô, tại thời điểm xảy ra tội phạm (ngày 24/02/2020) có giá trị 4.620.000 đồng.

Quá trình điều tra bị cáo V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô biển kiểm soát 81B1-067.58.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi bị cáo thường số tiền 6.000.000 đồng, bị cáo V đã bồi thường 4.620.000đồng theo kết luận định giá.

Tại bản cáo trạng số: 46/CT – VKS ngày 29/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Lê Văn V về “Tội trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh đề nghị tuyên bị cáo Lê Văn V phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s Khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn V từ 04 tháng đến 06 tháng tù.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị tịch thu hóa giá sung công quỹ 01 xe mô tô biển kiểm soát 81B1-067.58 nhãn hiệu FUSIN, số máy 152FMH379074, số khung H9RRAD379074, màu đen bạc đứng tên Trịnh Tú Kh.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận số tiền 4.620.000 đồng và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

Đối với hành vi mua 03 bao tiêu khô của bị cáo của bà Lâm Thị T, bà Nguyễn Thị Tr, khi mua bà Thôi, bà Trà không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý.

Người bị hại bà Đinh Thị A đã nhận số tiền 4.620.000 đồng và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Lê Văn V thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát và xin được giảm nhẹ phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện E, Viện kiểm sát nhân dân huyện E trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại ông Lê Tấn H, người liên quan bà Lâm Thị T, bà Nguyễn Thị Tr, bà Đàm Thị Th: Ông H đã ủy quyền cho bà A tham gia tố tụng, bà T, bà Trà, bà Th đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra; bà Th có đơn xin được vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 xử vắng mặt ông H, bà T, bà Tr và bà Th.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào lúc 09 giờ 20 phút ngày 24/02/2020, bị cáo Lê Văn V đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà Đinh Thị A, ông Lê Tấn H 03 bao tiêu khô với trọng lượng 120kg có giá trị 4.620.000 đồng.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo đã phạm vào “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của

người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Khi quyết định hình phạt cần xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau cho bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho phía bị hại; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ Luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 mà bị cáo được hưởng. Do bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Nhằm thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, cần quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo Điều 54 Bộ luật hình sự để tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sớm hòa nhập cộng đồng, cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 81B1-067.58 mang tên bà Trịnh Tú Kh, theo lời khai của bị cáo và bà Kh thì bà Kh đã bán chiếc xe này cho bị cáo để sử dụng. Đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên căn cứ Điều 47 Bộ Luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa người bị hại đã nhận số tiền 4.620.000đồng và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Lê Văn Văn phạm “Tội trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, Điều 50; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn V 03 (Ba ) tháng 28 (hai mươi tám) ngày tù. Thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lê Văn V nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[2] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ Luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển kiểm soát 81B1-067.58 nhãn hiệu FUSIN, số máy 152FMH379074, số khung H9RRAD379074, màu đen bạc và 01 giấy đăng ký xe mô tô số 013841 do Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 11/5/2011 đứng tên Trịnh Tú Kh theo biên bản giao nhận vật chứng số 0009769 ngày 14/4/2020 giữa Công an huyện E với Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước.
- VKSND huyện E;
- CCTHADS huyện E;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Thị Đào**